

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13/7/2022
V/v tranh chấp “xin ly hôn, nuôi
con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN KIM NGỌC**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **HUỖNH VĂN THANH**

Ông **NGUYỄN VĂN TƯ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **NGUYỄN TRẦN HỒNG NHUNG** – Thư ký Tòa
án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy,
tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý:
310/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2022/QĐXXST-
HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **TRẦN THỊ NGỌC G**, sinh năm 1984. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Anh **TRẦN VĂN D**, sinh năm 1977. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 09/5/2022 nguyên đơn chị Trần
Thị Ngọc G trình bày:**

Chị và anh Trần Văn D xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2014, không
có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu
thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng cãi vã, anh D đánh đập
chị, anh chị chính thức ly thân từ năm 2021 đến nay.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Gia H sinh ngày
04/4/2015 đang sống với chị G.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết

Nay chị Trần Thị Ngọc G yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn D, yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Theo tờ tự khai ghi ngày 14/6/2022, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn D trình bày:

Anh và chị G sống với nhau từ năm 2014, không đăng ký kết hôn, thống nhất lời trình bày của chị G về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Gia H sinh ngày 04/4/2015 đang sống với chị G.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

Nay anh Trần Văn D đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị G, giao con chung Trần Ngọc Gia H sinh ngày 04/4/2015 cho chị G nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:*** Xét thấy, bị đơn anh Trần Văn D cư trú: xã T, huyện C, tỉnh T. Do đó, tranh chấp ly hôn, con chung giữa chị G và anh D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Trần Thị Ngọc G và anh Trần Văn D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh, chị theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị Trần Thị Ngọc G và anh Trần Văn D trình bày thống nhất, anh, chị xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2014, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường cãi vã, anh chị chính thức ly thân từ năm 2021 đến nay, theo bản tự khai ngày 14/6/2022 anh D đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị G. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh, chị thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên cho ly hôn là phù hợp. Tuy nhiên, chị G và anh D sống chung từ năm 2014 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn, mặc dù anh, chị có đủ điều kiện cũng như Nhà nước có quy định thời gian đăng ký kết hôn trễ hạn,

nhưng anh, chị vẫn không thực hiện, nên căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì chị G và anh D không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] **Về con chung:** Chị G và anh D thống nhất có 01 con chung tên Trần Ngọc Gia H sinh ngày 04/4/2015 hiện đang sống với chị G, chị G yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, anh D cũng đồng ý. Xét thấy, từ khi anh chị ly thân đến nay, con chung do chị G trực tiếp nuôi dưỡng, mặt khác cháu H cũng có văn bản trình bày ý kiến mong muốn sống với chị G sau khi cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] **Về cấp dưỡng:** Chị G không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] **Về tài sản chung, nợ chung:** Không có, không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] **Về án phí:** Chị Trần Thị Ngọc G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, 51, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Ngọc G và anh Trần Văn D là vợ chồng.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Ngọc Gia H sinh ngày 04/4/2015 cho chị Trần Thị Ngọc G nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn D được quyền tới trông nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng: Anh Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị G không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016224 ngày 19/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Ngọc

